TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 168/2019/HNGĐ-PT Ngày: 12/11/ 2019 *V/v "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**
Bà **Trần Thị Lê Na**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Công Hách** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà **Phạm Tú Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 giải quyết về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện T, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2898/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Mạnh C**, sinh năm: 1976.
ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: Số 15, C7, tập thể nhà máy Pin V, thị trấn V, huyện T, thành phố H.
Bị đơn: Chị **Bùi Thị Hương G**, sinh năm: 1977.
ĐKHKTT: Khối 2, phường B, thành phố V, tỉnh N.
Chỗ ở: Số 15, C7, tập thể nhà máy Pin V, thị trấn V, huyện T, thành phố H.
Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 3, Trại giam số 6 – Bộ Công an. (Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Mạnh C và chị Bùi Thị Hương G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T, Thành phố H vào ngày

08/5/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, cả hai đã cố gắng tự hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Tháng 9/2017, chị G vi phạm pháp luật và bị xử phạt 13 năm tù. Từ đó anh C và chị G ly thân cho đến nay. Nay, để ổn định cuộc sống anh C đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn chị G.

Về con chung: Chị G và anh C không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Anh C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Bị đơn là chị Bùi Thị Hương G trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh C trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị G làm ăn thất bại, hai vợ chồng không tin tưởng nhau. Nay chị G thấy rằng tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Trước yêu cầu ly hôn của anh C, chị G không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung.

Về tài sản chung: Chị G xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần gì ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị G có nguyện vọng, nếu vợ chồng ly hôn thì anh C hỗ trợ chị 200.000.000 đồng để chị yên tâm cải tạo và có điều kiện vật chất sau khi ra trại để làm ăn.

Hiện nay chị G đang chấp hành án tại Trại Giam số 6 – Bộ Công an nên chị G tự nguyện làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc đề nghị hỗ trợ 200.000.000 đồng của chị G, anh C không đồng ý hỗ trợ vì hoàn cảnh kinh tế hiện nay của anh cũng rất khó khăn, một mình phải nuôi 2 con nhỏ và bố già tuổi cao.

Ngày 27/6/2019, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành mở phiên tòa và xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của anh Phạm Mạnh C. Tại Bản án sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

***1.** Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Phạm Mạnh C. Xử anh Phạm Mạnh C được ly hôn chị Bùi Thị Hương G.*

***2.** Về con chung: Chị Bùi Thị Hương G và anh Phạm Mạnh C không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.*

3. *Về tài sản chung: Anh Phạm Mạnh C, chị Bùi Thị Hương G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.*

4. *Anh Phạm Mạnh C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh C đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008740 ngày 18/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.*

Không đồng ý với bản án, chị G đã kháng cáo bản án đề nghị cấp phúc thẩm xét xử xem xét yêu cầu anh C hỗ trợ chị số tiền 200.000.000 đồng. Chị trình bày trong đơn kháng cáo là chị đồng ý ly hôn nhưng chị có đề nghị anh C đền bù số tiền 200.000.000 đồng vì số tiền này là tiền làm ăn riêng của chị, chị có đưa anh C để anh C trang trải nợ nần của anh nên khi ly hôn anh phải trả lại chị.

Sau khi thụ lý phúc thẩm vụ án nói trên, Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành lấy lời khai của chị G. Chị G trình bày lý do chị kháng cáo bản án sơ thẩm là do anh C không hỗ trợ cho chị 200.000.000 đồng, đây là số tiền chị trả nợ cho anh C, nay anh C phải trả nợ lại cho chị. Do chị đang chấp hành án nên không thể cung cấp chứng cứ cho Tòa án việc chị cho anh C vay nợ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm*:

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và tố tụng tại phiên tòa, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Kháng cáo của chị G là hợp lệ cần chấp nhận để xem xét.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên cấp sơ thẩm xử cho anh C được ly hôn chị G là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của chị G về việc đề nghị anh C trả nợ chị số tiền 200.000.000 đồng, yêu cầu này ở cấp sơ thẩm chị G không đề nghị giải quyết mà chỉ đề nghị anh C hỗ trợ và anh C không đồng ý vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Nay ở cấp phúc thẩm chị G lại yêu cầu anh C trả nợ chị nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh C vay nợ chị.

Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị G, giành giải quyết bằng vụ án khác về yêu cầu đòi nợ của chị G với anh C khi chị G có đủ điều kiện để khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về Tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án: Anh C nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H. Gửi kèm đơn khởi kiện là văn bản xác nhận nơi cư trú của anh C và chị G. Trước khi chị G phải chấp hành án, anh C và chị G sinh sống tại địa chỉ số 15-C7 tập thể nhà máy Pin V, thị trấn V, huyện T, Thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2].Về quan hệ hôn nhân của anh C và chị G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tình cảm: anh C và chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh C làm đơn yêu cầu ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể khắc phục được. Cấp sơ thẩm xác định mục đích hạnh phúc hôn nhân của anh C và chị G không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị G như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Về con chung: Anh C và chị G cùng xác nhận không có con chung.

Về tài sản chung: Do anh C, chị G không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh C và chị G.

Về đề nghị của chị G yêu cầu anh C hỗ trợ chị số tiền 200.000.000 đồng và ở cấp sơ thẩm anh C đã không nhất trí vì điều kiện kinh tế khó khăn của anh. Tuy nhiên, chị G kháng cáo bản án với đề nghị anh C trả nợ chị số tiền này nhưng chị không xuất trình được chứng cứ chứng minh anh C vay nợ chị. Tại phiên tòa, anh C trình bày anh không vay nợ chị G và không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của chị G. Mặt khác, ở cấp phúc thẩm chị mới đưa ra yêu cầu này, HĐXX nhận định nếu xem xét giải quyết yêu cầu này của chị G sẽ không đảm bảo hai cấp xét xử cũng như không có tài liệu chứng cứ để xem xét khi chị G đang ở trại cải tạo không thể cung cấp được. Do vậy, cần giành giải quyết bằng vụ án khác đối với yêu cầu đòi nợ của chị G với anh C khi chị G có đầy đủ điều kiện và khởi kiện.

Từ nhận định phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy

không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị G.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của chị G không được chấp nhận nên chị G phải chịu **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí phúc thẩm và được đối trừ vào **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0009178 ngày 23/9/2019 tại Chi cục thi hành án huyện T, thành phố H. Số tiền tạm ứng án phí kháng cáo này, anh Phạm Mạnh C tự nguyện nộp thay chị G do chị G đang chấp hành án tại trại giam nên không có điều kiện trực tiếp nộp tạm ứng án phí.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Hương G. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân T, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Phạm Mạnh C. Anh Phạm Mạnh C được ly hôn với chị Bùi Thị Hương G.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Hương G và anh Phạm Mạnh C không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Mạnh C và chị Bùi Thị Hương G không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Mạnh C phải chịu **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng án phí dân sự sơ thẩm và được đối trừ vào **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008740 ngày 18/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

Chị Bùi Thị Hương G phải chịu án phí phúc thẩm và được đối trừ vào **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0009178 ngày 23/9/2019 tại Chi cục thi hành án huyện T, thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKSND tp H;
- Chi cục THADS h. T;
-Tòa án ND h.T;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Lam